

# Đánh giá tác động của vốn sinh kế tới phát triển du lịch cộng đồng huyện Ba Vì, Hà Nội

PHẠM THỊ HƯỜNG\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ tác động của vốn sinh kế tới phát triển du lịch cộng đồng, trường hợp huyện Ba Vì, Hà Nội. Kết quả cho thấy, có 5 nhân tố của vốn sinh kế tác động đến phát triển du lịch cộng đồng khu vực huyện Ba Vì, đó là: Vốn con người; Vốn tài nguyên; Vốn xã hội; Vốn kinh tế; Vốn thể chế. Trong đó, Vốn con người đóng vai trò đầu tiên, cơ bản và quan trọng nhất đối với sự phát triển du lịch cộng đồng ở huyện Ba Vì.

**Từ khóa:** sinh kế, du lịch cộng đồng, huyện Ba Vì

## Summary

The study is conducted to assess the impact of livelihood capital on community-based tourism development in the case of Ba Vì district, Hanoi. The results point out 5 factors of livelihood capital affecting the development of community-based tourism in Ba Vì district, namely Human capital; Natural capital; Social capital; Economic capital; Institutional capital. In particular, Human capital plays the first, the most fundamental and important role in the development of community-based tourism in Ba Vì district.

**Keywords:** livelihood, community-based tourism, Ba Vì district

## GIỚI THIỆU

Trên thế giới, cách tiếp cận sinh kế trong bối cảnh du lịch đã được thể hiện trong các nghiên cứu của Fujun Shen (2009); Emily Eddins, Stuart Cottrell (2014)... Còn ở Việt Nam, phát triển du lịch với mục tiêu sinh kế cũng xuất hiện khoảng chục năm trở lại đây. Tuy nhiên, những nghiên cứu về vấn đề này mới chỉ nhằm mục đích mô tả du lịch như là một sinh kế mới, làm đa dạng hóa sinh kế hay góp phần cải thiện sinh kế hiện tại, chứ chưa đánh giá tác động của nguồn lực sinh kế đến phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng. Do đó, tác giả thực hiện nghiên cứu này nhằm khám phá mức độ tác động của các nguồn lực sinh kế tới phát triển du lịch cộng đồng, trường hợp tại huyện Ba Vì, Hà Nội.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết

#### Du lịch cộng đồng

Theo Điều 3, Luật Du lịch năm 2017: “Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi”.

Thực tế, trong giai đoạn đầu, vai trò chính trong kinh doanh du lịch là các doanh nghiệp du lịch từ bên ngoài, từ các vùng du lịch phát triển. Doanh nghiệp trực tiếp trả tiền cho cộng đồng về các dịch vụ mà họ cung cấp cho khách du lịch của công ty. Giai đoạn này được hiểu là du lịch dựa vào cộng đồng. Sau một thời gian, năng lực giao tiếp, kỹ năng, tay nghề, hiểu biết xã hội... của cộng đồng đã tăng lên. Họ có thể đứng ra tự kinh doanh du lịch, được hưởng đa đa số lợi nhuận thu được từ khách du lịch chi tiêu tại địa bàn. Khi đó, du lịch dựa vào cộng đồng đã trở thành du lịch cộng đồng. Như vậy, du lịch dựa vào cộng đồng và du lịch

\*ThS., Trường Đại học Dân lập Phương Đông | Email: huongpham5283@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/02/2019; Ngày phản biên: 19/03/2019. Ngày duyệt đăng: 25/03/2019

cộng đồng là hai giai đoạn của một quá trình. Mục đích của cả hai giai đoạn này đều góp phần thu hút công đồng vào tham gia hoạt động du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sinh kế du lịch.

#### *Sinh kế*

DFID (1999) cho rằng, “một sinh kế có thể được miêu tả như là sự tập hợp các nguồn lực và khả năng con người có được kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực thi nhằm để kiếm sống, cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của họ”. Như vậy, sinh kế bao gồm toàn bộ những hoạt động của con người để đạt được mục tiêu dựa trên những nguồn lực sẵn có, bao gồm: các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các nguồn vốn, lao động, trình độ phát triển của khoa học, công nghệ ..

Tiếp cận sinh kế là cách tư duy về mục tiêu, phạm vi và những ưu tiên cho phát triển nhằm đẩy nhanh tiến độ xoá đói, giảm nghèo. Đây là phương pháp tiếp cận sâu rộng với mục đích nắm giữ và cung cấp các phương tiện để tìm hiểu nguyên nhân của đói nghèo với trọng tâm tập trung vào một số yếu tố như các vấn đề kinh tế, an ninh lương thực. Nó cũng cố gắng phá vỡ mối quan hệ giữa các khía cạnh khác nhau của nghèo đói, giúp xác lập ưu tiên tốt hơn cho những hoạt động xoá nghèo.

Theo Carney (1998), “sinh kế trở nên bền vững khi nó ứng phó được với các tác động ngắn hạn (shocks) và thích nghi được các ảnh hưởng dài hạn (stresses) hoặc có khả năng phục hồi, duy trì và tăng cường khả năng và nguồn lực hiện tại và trong tương lai, mà không làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên”.

Qua lược khảo các nghiên cứu đi trước, tác giả nhận thấy, vốn sinh kế bao gồm: Vốn con người, Vốn xã hội, Vốn tài nguyên, Vốn kinh tế, Vốn thể chế. Từ đó, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu với giả định “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” (ký hiệu là DLCD.SKBV) cho người dân Ba Vì là biến phụ thuộc với 5 biến độc lập là: Vốn con người (VCN); Vốn kinh tế (VKT); Vốn tài nguyên (VTN); Vốn xã hội (VXH); Vốn thể chế (VTC). Hàm hồi quy có dạng:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 * X_1 + \beta_2 * X_2 + \beta_3 * X_3 + \dots + \beta_5 * X_5 + e$$

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững”;

X<sub>1</sub>, X<sub>2</sub>, X<sub>3</sub>, X<sub>4</sub>, X<sub>5</sub> là các biến độc lập;

$\beta$  là hệ số hồi quy.

#### *Phương pháp nghiên cứu*

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập bằng bảng câu hỏi phỏng vấn, điều tra ý kiến của các hộ gia đình ở 3 xã của huyện Ba Vì là: Ba Vì; Ba Trai; Văn Hòa. Tác giả áp dụng công thức xác định mẫu của Slovin (1960), theo đó phát ra 450 phiếu. Số phiếu thu về là 450, sau khi sàng lọc có 35 phiếu bị loại. Như vậy, cỡ mẫu n = 415 phiếu đảm bảo số mẫu tối thiểu cho phương pháp nghiên cứu. Điều tra được tiến hành từ tháng 12/2017 đến tháng 06/2018.

Nghiên cứu sử dụng 37 thang đo cho 5 nhân tố vốn sinh kế tác động. Các chỉ số đo lường và biến trong bảng hồi được xây dựng dựa trên các nghiên cứu của

DFID (1999), Ellis (1998), Goodwin (1998), Timothy (1999), Ashley (2000), Fujun Shen (2009) và có sự điều chỉnh phù hợp với đối tượng và địa bàn nghiên cứu. Sau khi dữ liệu được thu thập, tác giả thực hiện việc kiểm định độ tin cậy và độ giá trị của các khái niệm và thang đo nghiên cứu. Tiếp theo, tác giả tiến hành kiểm định dữ liệu và phân tích hồi quy nhằm xác định mức độ tác động của các nhân tố.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### *Kiểm định độ giá trị và độ tin cậy của các thang đo*

Kết quả phân tích thang đo của các nhân tố cho thấy, tất cả các thang đo đều có giá trị Cronbach's Alpha > 0,6, hệ số tương quan biến tổng của các thang đo đều lớn hơn 0,3. Do vậy, 37 thang đo cho 05 nhân tố tác động tới “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân tại huyện Ba Vì phù hợp với mô hình lý thuyết và có thể tiến hành các bước nghiên cứu ứng dụng tiếp theo.

Tiếp đó, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm kiểm tra sự phù hợp của mô hình và phát hiện nhân tố mới. Kết quả cho biết, giá trị phương sai trích là 76,399% với điểm dừng các nhân tố Eigenvalues = 1,037. Điều này nghĩa là, có tới 76,399% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát và 37 biến quan sát được nhóm lại thành 7 nhân tố. Tuy nhiên, nhân tố mới khám phá thứ 6 và thứ 7 có các quan sát có trọng số thấp hơn 0,5, nên bị loại bỏ. Thêm vào đó, 2 quan sát VCN1 và VXH1 có trọng số giải thích cho nhân tố chính là Vốn con người và Vốn xã hội cũng thấp, nên tác giả cũng loại bỏ 2 biến quan sát này. Sau khi loại bỏ biến, tác giả tiến hành phân tích EFA lần thứ hai với 5 nhân tố và 35 biến quan sát. Kết quả phân tích EFA lần 2 cho thấy, giá trị phương sai trích là 71,369% với điểm dừng các nhân tố Eigenvalues = 2,446, nghĩa là 71,369% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi 35 biến quan sát và được nhóm lại thành 5 nhân tố chính phù hợp với mô hình lý thuyết. Như vậy, các biến thành phần có liên quan với nhau và giải thích cho biến tổng.

Kết quả ma trận nhân tố xoay cho biết giá trị lớn nhất của hệ số tải nhân tố đối với mỗi biến quan sát. Các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn

0,5 và được xếp thành 5 nhân tố tác động đến “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững”.

Tóm lại, các nhân tố tác động tới “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” được chia thành 5 nhân tố chính phù hợp với 5 nhân tố theo mô hình lý thuyết ban đầu và có thể tiến hành các bước nghiên cứu ứng dụng tiếp theo.

#### Phân tích hồi quy đa biến

Tiếp theo, mô hình hồi quy được xây dựng thông qua phương pháp Enter, theo đó các biến độc lập sẽ được đưa vào mô hình một lần.

Theo kết quả phân tích hồi quy (Bảng 1), trị số R = 0,717 có nghĩa là, mối quan hệ giữa các biến trong mô hình nghiên cứu tương đối chặt chẽ với nhau. Hệ số xác định R<sup>2</sup> = 0,515, nói lên độ thích hợp của mô hình là 51,5%. Ngoài ra, giá trị R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,509, tức 50,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi 5 biến trong mô hình, còn 49,1% là do tác động của các yếu tố khác ngoài mô hình.

Tiếp theo, để kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tổng thể, tác giả xem xét giá trị thống kê F trong phân tích phương sai ANOVA. Bảng 2 chỉ ra, giá trị F = 86,766 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05, bước đầu cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

Để đánh giá việc mô hình hồi quy có vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến hay không, tác giả xem xét hệ số phóng đại phương sai VIF. Theo Bảng 3, hệ số VIF của các nhân tố đều nhỏ hơn 2, do đó, có thể kết luận rằng, mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến, tức là các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau.

Như vậy, có 5 nhân tố tác động đến việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì với mức ý nghĩa Sig. < 0,05 và các nhân tố này đều tác động thuận chiều. Từ kết quả phân tích hồi quy, mô hình hồi quy được viết lại như sau:

$$DLCD.SKBV = 0,282*VCN + 0,192*VTN + 0,179*VXH + 0,135*VKT + 0,070*VTC + 0,930$$

Từ phương trình hồi quy ta thấy, nếu giả sử giữ nguyên các biến khác không thay đổi, khi đánh giá về “Vốn con người” tăng 100 điểm, thì việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế

BẢNG 1: KẾT QUẢ HỒI QUY

Model	R	Hệ số xác định R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	0,717 <sup>a</sup>	0,515	0,509	0,408	1,894
a. Predictors: (Constant), VTC, VKT, VXH, VTN, VCN					
b. Dependent Variable: DLCD.SKBV					

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH PHƯƠNG SAI ANOVA

Mô hình	Tổng các bình phương	Bậc tự do (df)	Phương sai	F	Sig.	
1	Hồi quy	72,391	5	14,478	86,766	0,000 <sup>a</sup>
	Phần dư	68,248	409	0,167		
	Tổng	140,639	414			
a. Dependent Variable: DLCD.SKBV						
b. Predictors (Constant), VTC, VKT, VXH, VTN, VCN						

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY ĐA BIẾN

Nhân tố	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Beta	Độ chấp nhận
(Constant)	0,930	0,149		6,232	0,000		
VCN	0,282	0,027	0,414	10,447	0,000	0,754	1,325
VKT	0,135	0,023	0,223	5,881	0,000	0,822	1,216
VTN	0,192	0,028	0,255	6,762	0,000	0,834	1,199
VXH	0,179	0,026	0,245	6,806	0,000	0,915	1,093
VTC	0,070	0,023	0,117	3,092	0,002	0,827	1,209
a. Dependent Variable: DLCD.SKBV							

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS

bền vững” cho người dân Ba Vì tăng 28,2 điểm; khi đánh giá về “Vốn tài nguyên” tăng 100 điểm, thì việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì tăng 19,2 điểm; khi đánh giá về “Vốn xã hội” tăng 100 điểm, thì việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì tăng 17,9 điểm; khi đánh giá về “Vốn kinh tế” tăng 100 điểm, thì việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì tăng 13,5 điểm; khi đánh giá về “Vốn thể chế” tăng 100 điểm, thì việc “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì tăng 7 điểm.

Tác giả cũng xem xét hệ số ước lượng đã chuẩn hóa (Beta) để xác định vị trí ảnh hưởng của các biến

**BẢNG 4: TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÁC NHÂN TỐ**

TT	Biến độc lập	Giá trị tuyệt đối (Beta)
1	VCN	0,414
2	VTN	0,255
3	VXH	0,245
4	VKT	0,223
5	VTC	0,117

Nguồn: Kết quả tính toán được từ mô hình hồi quy

độc lập đến “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì một cách chính xác hơn. Các hệ số này được lấy theo giá trị tuyệt đối và được trình bày tại Bảng 4. Theo đó, các nhân tố ảnh hưởng tới “Phát triển du lịch cộng đồng tạo ra sinh kế bền vững” cho người dân Ba Vì có thể xếp theo thứ tự tác động từ cao xuống thấp, như sau: Vốn con người (Beta = 0,414); Vốn tài nguyên (Beta = 0,255); Vốn xã hội (Beta = 0,245); Vốn kinh tế (Beta = 0,223); Vốn thể chế (Beta = 0,117).

### KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Qua nghiên cứu của tác giả, có 5 nhân tố của vốn sinh kế tác động đến phát triển du lịch cộng đồng khu

vực huyện Ba Vì, đó là: Vốn con người; Vốn tài nguyên; Vốn xã hội, Vốn kinh tế; Vốn thể chế.

Trong đó, Vốn con người đóng vai trò đầu tiên, cơ bản và quan trọng nhất đối với sự phát triển du lịch cộng đồng ở huyện Ba Vì. Vì vậy, để du lịch cộng đồng trở thành sinh kế bền vững cho người dân nơi đây, cần có những giải pháp phù hợp liên quan đến vốn con người, như: nâng cao nhận thức của người dân bằng các biện pháp tuyên truyền giáo dục, tổ chức hội thảo và các lớp học chuyên đề, tổ chức đoàn tham quan học tập, khảo sát mô hình; khuyến khích người dân tham gia bàn luận và đóng góp ý kiến cho các kế hoạch về phát triển du lịch tại địa phương.

Ngoài ra, cần phát triển năng lực của cộng đồng trên cả 3 phương diện: kiến thức, kỹ năng và thái độ; đa dạng hóa các hình thức (mức độ) tham gia của cộng đồng để thu hút được nhiều người dân tham gia vào hoạt động du lịch, biến du lịch trở thành một trong những lựa chọn sinh kế cho cộng đồng khu vực Ba Vì. □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2017). *Luật Du lịch*, số 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017
2. Trần Đức Thanh, Lê Thu Hương, Trần Đức Thắng, Trần Thị Mai Hoa, Phạm Thị Hương (2014). *Một số vấn đề du lịch sinh thái công đồng và an sinh xã hội tại Vườn Quốc gia Cúc Phương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Tổ chức Phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường xã hội (2012). *Sổ tay du lịch cộng đồng: phương pháp tiếp cận thị trường*, Liên minh châu Âu và Quỹ Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên Việt Nam tài trợ
4. Võ Văn Tuấn, Lê Cảnh Dững (2015). *Phân tích sinh kế: Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Đại học Cần Thơ
5. Carney, D., Ed. (1998). *Sustainable Rural Livelihoods: What Contribution Can We Make?*, DFID, London
6. Caroline Ashley (2000). *The Impacts of Tourism on Rural Livelihoods: Namibia's Experience*, Working Paper 128, Overseas Development Institute
7. DFID (1999). *DFID sustainable livelihoods guidance sheets*
8. Emily Eddins, Stuart Cottrell (2014). Sustainable Development and Sustainable Livelihoods Frameworks: Theory and Practice in Volunteer Tourism, *The International Journal of Sustainability Policy and Practice*, 9, 2325-1166
9. Frank Ellis (1998). Household Strategies and Rural Livelihood Diversification, *Journal of Development Studies*, 35(1), 1-38
10. Fujun Shen (2009). *Tourism and the Sustainable Livelihoods Approach: Application within the Chinese Context*, A thesis of Doctor of Philosophy, Lincoln University
11. Goodwin H (1998). *Sustainable Tourism and Poverty Elimination*, A Discussion Paper for the Department for the Environment, Transport and the Regions and the Department for International Development, 8
12. Slovin, M. J. (1960). *Sampling*, Simon and Schuster Inc., New York
13. Timothy, D.J. (1999). Participatory planning: A view of tourism in Indonesia, *Annals of Tourism Research*, 26(2), 371-391